

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày: 25/05/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như
Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLPT-DS ngày 14/3/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/ 2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đình A, sinh năm: 1953 và bà Trần Thị B, sinh năm 1955; Cùng có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Trần Đình A đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C; Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm M, xã N, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị G, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của bà Trần Thị B:* Luật sư Nguyễn E và luật sư Trần Ngọc F; cùng địa chỉ: SN x, tổ x, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Cùng có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1968.

Trú tại: Xóm M, xã N, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Triệu I, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Trần Thị K, sinh năm 1990; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị K1; Có mặt.

+ Trần Văn L; sinh năm 1985; Có mặt.

+Trần Văn C; sinh năm 1987; Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm M, xã N, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- *Những người làm chứng*:

1/ Ông Lê Văn D.

2/ Ông Trần Văn D1.

3/ Ông Nguyễn Đức D2.

4/ Ông Đàm Văn D3.

5/ Ông Trần Văn D4.

Cùng trú tại: Xóm M, xã N, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

6/ Ông Trần Thanh D5.

Trú tại: Y, xã Y1, huyện Thạch an, tỉnh Cao Bằng.

Những người làm chứng vắng mặt không lý do.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Ông Trần Đình A, Bà Trần Thị B trình bày: Thửa đất đang xảy ra tranh chấp là của bố, mẹ ông A để lại cho vợ chồng ông đến ngày 31/10/2009 được cấp đổi sổ là thửa số 13, tờ bản đồ số 24, có diện tích 738m², địa chỉ thửa đất là Nà Hét, mục đích sử dụng là đất HNK theo giấy chứng nhận QSDĐ số: AP 478303, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01822.

Năm 2009 thì bà Trần Thị H do không có nhà ở nên về cầu cứu vợ chồng ông A bà B một lô đất để làm lán ở tạm, vợ chồng bà B đã nhất trí nhường lại cho bà H đất vườn, ngày 25/10/2009 có cán bộ địa chính đo chiều dài 16m, chiều rộng 10m, diện tích 160m². Tối ngày 29/10/2009 bà H sang thỏa thuận giá mỗi m² đất là: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), tổng là 32.000.000đ (Ba mươi

hai triệu đồng), ông A bà B bớt cho bà H một triệu đồng, bà H đã trả 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), được một tuần bà H trả thêm 5.000.000đ; ngày 13/01/2009 bà H trả tiếp 11.000.000đ thanh toán xong bà H và ông A có viết vào giấy chuyển nhượng hai người ký tên và gọi thêm hai người làm chứng cùng ký tên.

Ngày 12/1/2009 gặp ông D- Địa chính xã N lập cho 02 bản chuyển nhượng, 01 bản (có diện tích 160m², số tiền 31 triệu đồng) giao cho bà H, 01 bản ông D lưu ở xã, ông Lê Văn D nói bên chuyển nhượng không cần lấy, để bên địa chính lưu thôi.

Ngày 05/8/2011 bà H bán thửa đất mua với gia đình tôi cho anh Triệu Văn Dũng ở Năm Dạng; Theo bản đồ năm 2015 thì bà H có 02 thửa đất là thửa số 13 diện tích 164m² (đất này mua với gia đình tôi), và thửa số 93 là thửa đất liền kề với thửa số 13 có diện tích 195m² (phần này ông A bà B cho rằng bà H lấn chiếm của mình).

Nay tôi (ông A, bà B) yêu cầu lấy lại phần diện tích còn lại bà H đang quản lý ngoài 160m² tôi đã chuyển nhượng cho bà H.

Bị đơn: Bà Trần Thị H trình bày: Năm 2008 bà có hỏi ông A bà B để san đất (đất của ông A, bà B) dựng 01 căn nhà rộng 100m², đến năm 2009 gia đình ông A có hỏi tôi (cô) có mua được đất đã làm nhà và số đất còn lại không thì bác chuyển nhượng cho với giá 30.000.000đ, tôi không đủ tiền nên phải vay thêm về để mua. Trả đủ số tiền ông Trần Đình A đã tự viết giấy chuyển nhượng cho tôi, nội dung giấy có chỉ tứ cận, đông, tây, nam, bắc. Tôi ký xong ông A cầm lên UBND xã để xác nhận và đưa về cho tôi, tôi cất đi mà không xem lại giấy.

Khoảng 03 tháng sau ông Trần Đình A có về hỏi mượn lại giấy mua bán, ông bảo bác chưa có tờ nào nên mượn để đi photo lấy 01 tờ sau này tách sổ cho cô. Sau khi ông cầm giấy đi thì ông không trả, tôi đã hỏi ông đến lần thứ 03 đòi lại giấy, đến lần thứ 3 thì ông A trả giấy và con của tôi mang đi cất không cho tôi giữ nữa.

Đến năm 2010 khi trả tiền xong tôi cho đứa em cậu về dựng một ngôi nhà nữa ông A không có ý kiến gì, đến năm 2020 thì ông A có sang nói với tôi cô mua được thì mua không mua được thì dỡ nhà để ông lấy lại đất, tôi ngạc nhiên không biết chuyện gì. Ông nói chỉ bán cho tôi 160m² có ông D địa chính và cháu Tô đi đo. Đến tháng 6/2010 tôi dựng thêm một ngôi nhà bên cạnh ngôi nhà đã dựng từ năm 2008, đến 05/8/2011 tôi có chuyển nhượng cho cháu Triệu Văn Dũng với diện tích 176m², được UBND xã N xác nhận.

Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết đất theo giấy tờ mua bán có tứ cận, tiếp giáp. Không đồng ý với yêu cầu của ông A là bán cho tôi 160m² vì lúc mua có tứ cận, tiếp giáp, tôi dựng nhà ở hơn chục năm rồi nay ông A mới nói là chưa bán đất cho tôi là hoàn toàn vô lý.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì: Theo các bên tiếp giáp, tứ cận trong giấy chuyển nhượng giữa ông A và bà H ngày 12/1/2010 nay là 02 thửa; Thửa số 13 diện tích 164 m² tờ bản đồ số 24 (dữ liệu năm 2014), bà H đã chuyển nhượng cho ông Triệu Văn Dũng năm 2011, trú tại Năm Dạng, xã N; Phần còn lại là thửa số 93 diện tích 195m² tờ bản đồ số 24 (dữ liệu năm 2014) là phần đất hiện nay ông A bà B tranh chấp với bà H có tứ cận, tiếp giáp: Phía Đông giáp đường làm cát; Phía Tây giáp giáp thửa số 13 (bà H đã bán cho ông Dũng); Phía Nam giáp đường làm cát; Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 209.

Quá trình giải quyết thì đất mà ông A bà B đã chuyển nhượng cho bà H là đất được cấp cho hộ gia đình ông A, bà H năm 2009 (hộ ông bà có các thành viên là các con: Trần Văn L, sinh năm 1985; Trần Văn C, sinh năm 1987; Trần Thị K, sinh năm 1990). Khi ông A bà B chuyển nhượng phần đất vườn cho bà H các con của ông bà đều biết việc bố mẹ mình chuyển nhượng, Tiền chuyển nhượng đất có được dùng để chữa bệnh cho bố và lo ăn học cho các con.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Hộ gia đình ông A -bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành Luật đất đai. Việc giấy chuyển nhượng không có chữ ký của các thành viên trong hộ, nay yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ cho bị đơn ông Triệu I có ý kiến: Theo hợp đồng chuyển nhượng ông A viết đã thể hiện phần đất hiện tại bà H đang quản lý là ông A bà B đã chuyển nhượng hết cho bà H, Việc chuyển nhượng các con của ông A, bà B được bố gọi điện thông báo, tiền chuyển nhượng đất được dùng chung trong gia đình, nay nguyên đơn yêu cầu lấy lại đất là không có căn cứ, yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn, giao đất cho bị đơn tiếp tục được quản lý sử dụng.

UBND huyện trả lời những vấn đề liên quan đến đất tranh chấp giữa ông A bà B với bà H như sau:

- Việc bà B khởi kiện yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 93 là không có căn cứ pháp luật vì thửa 93 diện tích 195m² năm 2014 mới được tách từ thửa số 13 trong khi hai bên đã chuyển nhượng cho nhau từ năm 2009.

- Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông Trần Đình A với bà Trần Thị H chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Luật đất đai.

- Kết quả thẩm định tại chỗ các phía tiếp giáp nghi như trong giấy chuyển nhượng đất có ghi rõ phía Đông giáp đường cái; phía Nam giáp đường làm cát; phía Bắc giáp đường làm cát; phía Tây giáp phần đất cho con L là đã chuyển nhượng hết cả thửa cho bà Trần Thị H.

Người làm chứng ông Lê Văn D và ông Đàm Đức D3 (con rể của ông A) khẳng định không có việc đi đo đất khi ông A bà B chuyển nhượng cho bà H, Việc UBND xã xác nhận sự việc chuyển nhượng là do giấy chuyển nhượng có tiếp giáp, tứ cận rõ ràng nên được xác nhận, còn về diện tích trong giấy thì ông D (địa chính, lúc các bên chuyển nhượng) không nhớ có hay không.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào Điều 127 Luật đất đai 2003; Điều 401, Điều 402 Bộ luật dân sự 2005; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 165 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 147, 157, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

* Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình A và bà Trần Thị B đối với yêu cầu đòi lại 195m² đất tranh chấp với bà Hoàng Thị H;

* Bà Hoàng Thị H được quyền quản lý, sử dụng 195m² tờ bản đồ số 24 (dữ liệu năm 2014) có tứ cận:

- Phía Đông: Giáp đường cái;
- Phía Tây giáp đất bà H đã chuyển nhượng cho anh Triệu Văn Dũng;
- Phía Nam: Giáp đường làm cát
- Phía Bắc: Giáp đường Cái.

Bà Hoàng Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/01/2022 nguyên đơn Trần Thị B kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của nguyên đơn Trần Thị B: Không chấp nhận với bản án sơ thẩm vì thực tế trong biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng gia đình tôi chỉ chuyển nhượng 160m² diện tích đất cho bà Hoàng Thị H, Mặt khác Tòa án sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết sai quan hệ tranh chấp, thực tế quan hệ tranh chấp là tranh chấp "biên bản thỏa thuận quyền sử dụng đất" nhưng Tòa án lại thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất. Tôi đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn Hoàng Thị H: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo vì quá trình thực hiện biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc cụ thể diện tích, tình tiết này có ông D-cán bộ địa chính xã xác nhận, số liệu 160m² có trong biên bản thỏa thuận là do gia đình bà H tự thêm vào sau khi đã làm biên bản, gia đình tôi tiến hành sử dụng đất theo như tứ cận tiếp giáp ghi trong biên bản thỏa thuận. Do đó tôi không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn E, bà Trần Ngọc F, bà Đoàn Thị G thống nhất quan điểm: Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không xem xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là chưa đúng quy định của pháp luật, vi phạm thủ tục tố tụng, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Triệu I: Nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị B, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, định giá và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo và các căn cứ kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại quan hệ tranh chấp vì bà Trần Thị B cho rằng thực tế quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất nhưng Tòa án sơ thẩm khi thụ lý giải quyết vụ án, đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Quá trình xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX thấy rằng:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính pháp lý của hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn Trần Đình A và bị đơn Trần Thị B chỉ có yêu cầu được quản lý sử dụng thửa số 93 có diện tích 195m², vẫn thừa nhận đã chuyển nhượng phần đất có diện tích 160m² cho bà Hoàng Thị H theo biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất ngày 12/01/2010, không có yêu cầu xem xét tính hợp pháp của biên bản thỏa thuận chuyển nhượng đất. Theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định "Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".

Thứ hai, theo như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Công văn trả lời của UBND huyện Thạch An, lời khai của người làm chứng (ông D, ông Tô), theo tứ cận tiếp giáp trong biên bản thỏa thuận thì có đủ căn cứ để xác định sự việc ông A, bà B đã chuyển nhượng hết đất cho bà H (phần bà đã bán cho ông Trần Văn Dũng theo giấy 175m², theo đo đạc thẩm định 164m²; Phần còn lại bà H đã dựng nhà vào năm 2010 có diện tích theo đo đạc thẩm định tại chỗ là 195m²). Việc Nguyên đơn chỉ thừa nhận đã chuyển nhượng cho bị đơn 160m² là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Thứ nhất, ông A khai nhận việc sửa chữa con số diện tích là ông sửa, sửa để khớp với số tiền; Thứ hai, nếu ông A chỉ

chuyển nhượng với số diện tích 160m² ngày 12/1/2010 được UBND xã xác nhận trong giấy chuyển nhượng, đến ngày 05/8/2011 bà H chuyển nhượng cho ông Trần Văn Dũng phần đất (ông A cho rằng bán cho bà H) có diện tích 175m², cũng được UBND xã N xác nhận) có diện tích không trùng khớp là không đúng; Thứ 3, việc nguyên đơn cho rằng chỉ bán cho bị đơn 160m² năm 2009 đến năm 2010 bà H đã dựng thêm một ngôi nhà ra phần nguyên đơn cho rằng chưa chuyển nhượng nhưng kể từ khi bà H dựng nhà đến khi nguyên đơn khởi kiện hoàn toàn không có sự tranh chấp.

Từ những phân tích trên, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất để giải quyết và không xem xét đến tính vô hiệu của biên bản thỏa thuận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn có yêu cầu xem xét lại giá trị pháp lý của biên bản thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất. HĐXX phúc thẩm xét thấy đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí.

Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn Trần Thị B, Trần Đình A là người cao tuổi, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn miễn án phí. Do đó ông A-bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí dân sự:

Nguyên đơn ông Trần Đình A, bà Trần Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn trả cho ông A - bà B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000714 ngày 07/6/2021, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 0000919 ngày 17/01/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Thạch An;
- TAND huyện Thạch An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bế Chiến